

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: 358 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã lập các bút toán điều chỉnh cần thiết để trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 10 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2133-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.109.242.645.380	893.785.490.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	36.527.133.432	56.183.204.913
1. Tiền	111		17.589.133.432	46.568.204.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.938.000.000	9.615.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	-	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.618.508.939	111.122.059.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	213.337.922.944	94.358.060.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	14.291.704.000	17.543.165.940
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	3.988.881.995	854.665.070
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.633.831.749)
IV. Hàng tồn kho	140	11	839.360.073.990	683.148.891.515
1. Hàng tồn kho	141		839.360.073.990	684.723.668.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.574.777.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.736.929.019	3.331.334.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.352.269	95.632.530
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.623.632.390	3.235.701.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	109.944.360	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.713.363.586	236.524.282.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.005.000.000	90.005.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	85.005.000.000	90.005.000.000
II. Tài sản cố định	220		48.405.752.088	51.132.675.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.490.990.276	24.187.113.572
- Nguyên giá	222		40.995.194.692	41.336.025.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.504.204.416)	(17.148.911.731)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	26.914.761.812	26.945.561.808
- Nguyên giá	228		28.106.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.191.706.605)	(1.160.906.609)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	90.613.023.320	94.851.614.348
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	107.054.750.832
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.589.301.702)	(12.203.136.484)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.329.325.454	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	30.329.325.454	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		360.262.724	534.992.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		301.362.794	275.630.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.899.930	259.362.362
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.363.956.008.966	1.130.309.772.320

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		987.227.950.445	832.169.219.069
I. Nợ ngắn hạn	310		918.325.590.445	756.279.469.069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	194.129.932.751	119.867.755.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.959.685.239	17.951.257.059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.344.217.161	6.378.122.248
4. Phải trả người lao động	314		24.866.352.860	8.730.273.826
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.200.449.316	2.712.675.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	314.365.500	279.145.000
7. Vay ngắn hạn	320	19	666.319.713.911	596.006.346.908
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.190.873.707	4.353.892.912
II. Nợ dài hạn	330		68.902.360.000	75.889.750.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	42.902.360.000	42.889.750.000
2. Vay dài hạn	338	20	26.000.000.000	33.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		376.728.058.521	298.140.553.251
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	376.728.058.521	298.140.553.251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.047.770.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.047.770.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.138.343.637	55.186.113.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		99.444.570.161	80.022.172.140
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		150.135.986.905	93.007.995.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		57.679.247.632	47.350.019.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm nay	421b		92.456.739.273	45.657.975.394
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22	3.939.913.118	1.902.797.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.363.956.008.966	1.130.309.772.320



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng




Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.486.163.654.306	2.334.936.303.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.082.455.867	4.315.487.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	3.482.081.198.439	2.330.620.816.235
4. Giá vốn hàng bán	11	26	3.229.561.190.273	2.147.674.630.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		252.520.008.166	182.946.186.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	45.431.349.070	929.538.298
7. Chi phí tài chính	22	29	42.896.298.235	45.707.246.270
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.120.485.230	45.395.035.315
8. Chi phí bán hàng	25	30	38.069.813.848	30.783.398.052
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	70.245.102.036	35.677.684.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		146.740.143.117	71.707.395.893
11. Thu nhập khác	31		3.125.200.233	753.611.732
12. Chi phí khác	32		6.262.998.091	621.160.736
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.137.797.858)	132.450.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		143.602.345.259	71.839.846.889
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	29.822.574.070	16.177.727.564
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		200.462.432	(137.339.251)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		113.579.308.757	55.799.458.576
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		111.823.029.580	54.996.303.384
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	22	1.756.279.177	803.155.192
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	9.739	4.649


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng




Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	
		Năm nay	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	143.602.345.259	71.839.846.889
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.299.730.304	9.351.991.061
Các khoản dự phòng	03	(3.208.608.796)	795.620.998
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	414.456.272	52.040.223
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.619.688.582)	(647.649.751)
Chi phí lãi vay	06	42.120.485.230	45.395.035.315
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	181.608.719.687	126.786.884.735
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(54.190.144.119)	89.285.118.503
Tăng hàng tồn kho	10	(154.636.405.428)	(129.955.547.568)
Tăng các khoản phải trả	11	49.757.147.019	26.249.185.185
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	66.547.568	(83.449.308)
Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	13	40.000.000.000	(40.000.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.101.448.807)	(45.413.062.522)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.852.939.374)	(14.377.865.028)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	143.630.000	151.690.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.674.282.495)	(5.843.648.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.879.175.949)	6.799.305.343
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(44.084.655.069)	(872.954.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.562.272.728	418.181.818
3. Tiền thu tiền lãi tiền gửi	27	1.305.162.430	641.651.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.217.219.911)	186.878.532
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	(11.975.704.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.989.785.422.829	2.186.163.889.095
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.926.472.055.826)	(2.166.243.879.945)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.873.070.192)	(15.999.472.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.440.296.811	(8.055.166.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.656.099.049)	(1.068.982.975)
(50=20+30+40)			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.183.204.913	57.252.649.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	27.568	(461.564)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.527.133.432	56.183.204.913
(70=50+60+61)			

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận sửa đổi lần thứ 18 ngày 16 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần của Công ty là 101.047.770.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Hoạt động kinh doanh chính Công ty mẹ là: Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Công ty con

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306489067, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: Bán buôn đường sữa và các sản phẩm từ sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 94 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 96 người).

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh khoản lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại nhằm điều chỉnh số liệu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu hoạt động tài chính, chi tiết các khoản mục ảnh hưởng bởi việc trình bày lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.313.652.007.701	2.334.936.303.821	21.284.296.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	<u>22.213.834.418</u>	<u>929.538.298</u>	<u>(21.284.296.120)</u>

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.931.945.871)	(647.649.751)	21.284.296.120
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.925.947.811	641.651.691	(21.284.296.120)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản thể hiện giá trị quyền sử dụng đất mà Công ty đang thực hiện chuyển nhượng trong năm 2016 và nắm giữ với mục đích xây dựng bất động sản đầu tư trong tương lai.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.092.291.780	653.135.219
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.496.841.652	45.915.069.694
Các khoản tương đương tiền	18.938.000.000	9.615.000.000
	<u>36.527.133.432</u>	<u>56.183.204.913</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 4,3%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4%/năm đến 5%/năm).

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh thể hiện khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phiếu với tỷ lệ 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khai Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 đồng. Trong tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá 10.705 đồng/cổ phiếu.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	107.202.055.731	41.302.900.886
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh Bà Lê Ngọc Đào	14.780.478.564	21.122.164.124
Các khoản phải thu khách hàng khác	58.000.000.000	-
	<u>33.355.388.649</u>	<u>31.932.995.164</u>
	<u>213.337.922.944</u>	<u>94.358.060.174</u>

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu thể hiện khoản trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu người lao động	120.745.950	110.526.810
- Ký cược, ký quỹ	3.352.334.248	302.014.700
- Phải thu khác	515.801.797	442.123.560
	<u>3.988.881.995</u>	<u>854.665.070</u>
b. Dài hạn		
- Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	50.000.000.000	90.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào (*)	35.000.000.000	-
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	<u>85.005.000.000</u>	<u>90.005.000.000</u>

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh và Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	127.743.915.993	-	90.852.709.290	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.648.615	-	205.060.281.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	151.268.014	-	107.526.314	-
Hàng hóa	478.406.241.368	-	388.703.151.958	(1.574.777.047)
	839.360.073.990	-	684.723.668.562	(1.574.777.047)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã sử dụng một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 19).

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Truy thu thuế các năm trước	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	(10.960.576)	(10.960.576)
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	(98.983.784)	(98.983.784)
	-	-	-	(109.944.360)	(109.944.360)
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	116.874.754	3.969.108.190	60.983.710	(4.071.567.614)	75.399.040
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	91.268.092.240	-	(91.268.092.240)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.284.246.726	-	(8.284.246.726)	-
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	558.021.766	-	(558.021.766)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.565.189.888	29.822.574.070	62.103.460	(31.852.939.374)	3.596.928.044
Thuế thu nhập cá nhân	696.057.606	8.299.805.137	-	(7.323.972.666)	1.671.890.077
Tiền thuê đất	-	5.444.535.286	-	(5.444.535.286)	-
Thuế tư vế	-	12.890.060.585	-	(12.890.060.585)	-
Các loại thuế khác	-	429.512.496	-	(429.512.496)	-
	6.378.122.248	160.965.956.496	123.087.170	(162.122.948.753)	5.344.217.161

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	11.498.803.834	20.973.506.433	8.741.891.786	91.758.000	30.065.250	41.336.025.303
Mua sắm tài sản cố định trong năm	-	-	3.493.293.818	33.193.636	-	3.526.487.454
Thanh lý	-	(3.154.090.909)	(713.227.156)	-	-	(3.867.318.065)
Số cuối năm	11.498.803.834	17.819.415.524	11.521.958.448	124.951.636	30.065.250	40.995.194.692
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	4.408.227.871	8.136.634.439	4.492.220.627	81.763.544	30.065.250	17.148.911.731
Khấu hao trong năm	833.318.424	2.548.658.173	1.633.758.002	14.604.681	-	5.030.339.280
Thanh lý	-	(1.961.819.439)	(713.227.156)	-	-	(2.675.046.595)
Số cuối năm	5.241.546.295	8.723.473.173	5.412.751.473	96.368.225	30.065.250	19.504.204.416
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	7.090.575.963	12.836.871.994	4.249.671.159	9.994.456	-	24.187.113.572
Tại ngày cuối năm	6.257.257.539	9.095.942.351	6.109.206.975	28.583.411	-	21.490.990.276

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.263.869.221 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.545.262.069 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.759.198.241 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.059.528.727 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm và cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	960.706.605	200.200.004	1.160.906.609
Khấu hao trong năm	-	-	30.799.996	30.799.996
Số dư cuối năm	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	30.799.996	26.945.561.808
Tại ngày cuối năm	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	107.054.750.832
Giảm khác (*)	(852.425.810)
Số dư cuối năm	106.202.325.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	12.203.136.484
Khấu hao trong năm	4.238.591.028
Giảm khác	(852.425.810)
Số dư cuối năm	15.589.301.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	94.851.614.348
Tại ngày cuối năm	90.613.023.320

(*): Khoản giảm giá trị tòa nhà cho thuê tại 277B Cách Mạng Tháng Tám mà Công ty đã tiến hành phá bỏ và xây mới trong năm 2014.

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 18.341.220.041 đồng như đã trình bày trong Thuyết minh số 20 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.839.252.776 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 237.548.984 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.231.010.009 đồng).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị quyền sử dụng đất mà Công ty đã chuyển nhượng trong tháng 11 năm 2016 với mục đích xây dựng cao ốc cho thuê trong tương lai. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 11 năm 2016.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Metal One Corporation	66.118.333.363	66.118.333.363	28.186.247.656	28.186.247.656
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	43.348.081.600	43.348.081.600	-	-
Samsung C&T Corporation	73.186.208.633	73.186.208.633	-	-
Cargrill International Trading	-	-	23.977.601.200	23.977.601.200
Win Faith Trading Limited	-	-	20.353.266.886	20.353.266.886
Hangzhou Ciec International	-	-	18.816.555.785	18.816.555.785
Phải trả cho các đối tượng khác	11.477.309.155	11.477.309.155	28.534.084.300	28.534.084.300
	194.129.932.751	194.129.932.751	119.867.755.827	119.867.755.827

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	142.995.000	119.450.000
Các khoản khác	163.360.500	151.685.000
	314.365.500	279.145.000
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.902.360.000	42.889.750.000

(*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	93.970.000.000	93.970.000.000	383.775.373.800	(397.095.373.800)	80.650.000.000	80.650.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương	218.851.527.535	218.851.527.535	910.530.584.047	(911.498.795.071)	217.883.316.511	217.883.316.511
Việt Nam-Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	148.225.836.905	148.225.836.905	765.624.016.084	(670.864.597.128)	242.985.255.861	242.985.255.861
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Lý Thường Kiệt	38.503.982.468	38.503.982.468	298.519.101.259	(300.131.272.538)	36.891.811.189	36.891.811.189
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	51.400.000.000	51.400.000.000	266.299.964.600	(268.844.397.100)	48.855.567.500	48.855.567.500
Ngân hàng Indovina-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.000.000	5.000.000.000	29.951.235.400	(34.951.235.400)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.650.000.000	27.650.000.000	204.381.032.087	(203.181.032.087)	28.850.000.000	28.850.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	124.639.115.552	(122.940.352.702)	1.698.762.850	1.698.762.850
Vay ngắn hạn khác	5.405.000.000	5.405.000.000	6.065.000.000	(9.965.000.000)	1.505.000.000	1.505.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000	7.000.000.000
	596.006.346.908	596.006.346.908	2.996.785.422.829	(2.926.472.055.826)	666.319.713.911	666.319.713.911

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Vay ngắn hạn khác thể hiện các khoản vay với mức lãi suất 0,58%/tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như đã trình bày trong Thuyết minh số 11, 13, 14 và 15 hoặc không có tài sản bảo đảm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(7.000.000.000)	33.000.000.000	33.000.000.000
	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(7.000.000.000)	33.000.000.000	33.000.000.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng các khoản vay dài hạn

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
	33.000.000.000	33.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.000.000.000	21.000.000.000
Sau năm năm	-	5.000.000.000
	33.000.000.000	40.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	26.000.000.000	33.000.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty mẹ như sau:

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.104.777	8.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.759.823	7.655.046

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 -DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	75.766.626.977	65.897.778.196	1.646.400.112	278.494.097.622
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	54.996.303.384	803.155.192	55.799.458.576
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.999.472.000)	(653.845.215)	(16.653.317.215)
Phân phối quỹ	-	-	-	4.255.545.163	(10.906.581.305)	-	(6.651.036.142)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(299.978.000)	-	(299.978.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(11.975.704.000)	-	-	-	(11.975.704.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	(680.054.949)	107.087.359	(572.967.590)
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	80.022.172.140	93.007.995.326	1.902.797.448	298.140.553.251
Tăng vốn trong năm (1)	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	111.823.029.580	1.756.279.177	113.579.308.757
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	19.906.389.706	(19.906.389.706)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(7.494.106.632)	-	(7.494.106.632)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (2)	-	-	-	-	(1.873.526.658)	-	(1.873.526.658)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(25.069.915.000)	(803.155.192)	(25.873.070.192)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(351.100.005)	-	(351.100.005)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(483.991.685)	-	1.083.991.685	600.000.000
Số dư cuối năm nay	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	99.444.570.161	150.135.986.905	3.939.913.118	376.728.058.521

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 04:1,1, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phần tăng thêm là ngày 03 tháng 6 năm 2016. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn điều lệ của Công ty mẹ tăng lên tương ứng 10.104.777 cổ phần và 101.047.770.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 ngày 16 tháng 6 năm 2016. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty mẹ thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 3347/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 6 năm 2016.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty mẹ đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty mẹ đã công bố chia cổ tức cuối năm 2015 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 với số tiền là 7.655.046.000 đồng và tạm trích cổ tức hai đợt năm 2016 từ lợi nhuận chưa phân phối năm nay với số tiền là 17.414.869.000 đồng cho cổ đông. Trong năm, Công ty mẹ đã chi trả cổ tức với số tiền là 25.069.915.000 đồng. Theo Quyết định của Hội đồng Thành viên ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam, công ty con, Hội đồng Thành viên quyết định chia lợi nhuận cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh, chủ sở hữu, với số tiền là 803.155.192 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2015. Trong năm, lợi nhuận này đã được chi trả cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh.



22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	<u>Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam</u> VND
Số đầu năm	
Vốn điều lệ của công ty con	3.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.400.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>600.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>20%</u>
Số cuối năm	
Vốn điều lệ của công ty con	4.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.800.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>1.200.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>30%</u>

Trong năm, Công ty mẹ quyết định chuyển nhượng 10% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh, chủ sở hữu khác, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Đồng thời, Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam quyết định tăng vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng lên thành 4.000.000.000 đồng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần như sau:

	<u>Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam</u> VND
Số đầu năm	
Tổng tài sản	31.571.309.741
Tổng nợ phải trả	<u>(25.269.943.270)</u>
Tài sản thuần	<u>6.301.366.471</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>	
- Vốn điều lệ	3.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	2.498.211.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>803.155.192</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>1.902.797.448</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>	
- Vốn điều lệ	600.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	499.642.256
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>803.155.192</u>
Số cuối năm	
Tổng tài sản	39.083.305.435
Tổng nợ phải trả	<u>(30.048.246.456)</u>
Tài sản thuần	<u>9.035.058.979</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>	
- Vốn điều lệ	4.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	3.278.779.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>1.756.279.177</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>3.939.913.118</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>	
- Vốn điều lệ	1.200.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	983.633.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>1.756.279.177</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm như sau:

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam
VND

Năm trước

Lợi nhuận trong năm	5.354.367.956
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	803.155.192

Năm nay

Lợi nhuận trong năm	7.805.685.229
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	1.756.279.177

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ - USD	843,28	946,96

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm (chiếm tỷ trọng khoảng 3,7% tổng doanh thu) cũng như các năm trước (chiếm tỷ trọng khoảng 2,35% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	2.568.152.246.982	1.675.674.525.754
- Doanh thu thành phẩm đã bán	789.089.545.146	599.789.995.857
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	95.834.752.799	33.120.492.396
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	28.055.833.332	21.284.296.120
- Doanh thu dịch vụ khác	5.031.276.047	5.066.993.694
	3.486.163.654.306	2.334.936.303.821
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	2.912.444.032	2.914.039.099
- Chiết khấu thương mại	1.170.011.835	1.401.448.487
	4.082.455.867	4.315.487.586
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.482.081.198.439	2.330.620.816.235

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.409.217.546.982	1.562.100.031.248
Giá vốn của thành phẩm đã bán	756.620.185.237	573.606.902.343
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	65.298.235.101	11.158.095.540
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.574.777.047)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	809.600.998
	3.229.561.190.273	2.147.674.630.129

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	744.534.867.406	419.715.603.147
Chi phí nhân công	70.769.771.515	35.006.845.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.299.730.304	9.351.991.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.853.656.708	28.598.016.154
Chi phí khác bằng tiền	12.433.549.328	12.278.996.018
	876.891.575.261	504.951.451.549

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.161.583.517	387.776.107
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	43.402.144.350	509.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	862.203.497	32.562.191
Lãi chậm thanh toán	5.417.706	-
	45.431.349.070	929.538.298

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	42.120.485.230	45.395.035.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá	775.813.005	308.810.955
Khác	-	3.400.000
	42.896.298.235	45.707.246.270

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.834.617.076	6.179.600.725
Chi phí vật liệu, bao bì	1.199.961.129	1.690.331.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.128.212.016	1.686.828.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.830.572.967	17.642.369.696
- Chi phí điện	3.344.498.705	3.536.743.900
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	12.753.815.406	9.563.912.055
- Chi phí thuê kho, bảo trì	4.239.528.960	2.613.044.785
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	3.492.729.896	1.928.668.956
Chi phí bằng tiền khác	4.076.450.660	3.584.267.081
	38.069.813.848	30.783.398.052

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	62.935.154.439	28.827.244.444
Chi phí vật liệu, bao bì	526.193.121	635.020.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.498.968.959	754.346.671
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.633.831.749)	(13.980.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.976.448.860	1.013.623.505
Chi phí bằng tiền khác	4.942.168.406	4.461.428.943
	70.245.102.036	35.677.684.189

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	143.602.345.259	71.839.846.889
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>5.682.379.428</i>	<i>1.783.777.728</i>
<i>Trừ: Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện</i>	<i>117.996.689</i>	<i>(88.499.331)</i>
Thu nhập tính thuế	149.402.721.376	73.535.125.286
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.880.544.276	16.177.727.564
Điều chỉnh thuế các năm trước	(57.970.206)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau điều chỉnh	29.822.574.070	16.177.727.564

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	111.823.029.580	54.996.303.384
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành (VND)	(16.773.454.437)	(8.249.445.508)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	95.049.575.143	46.746.857.876
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.759.823	10.054.775
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.739	4.649

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ trích trong năm 2015 của Công ty đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty tăng vốn cổ phần với số tiền 21.047.770.000 đồng từ thặng dư vốn cổ phần năm 2015 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 3 năm 2016. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 đã được trình bày lại.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	692.319.713.911	629.006.346.908
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	36.527.133.432	56.183.204.913
Nợ thuần	655.792.580.479	572.823.141.995
Vốn chủ sở hữu	376.728.058.521	298.140.553.251
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,74	1,92

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.527.133.432	56.183.204.913
Chứng khoán kinh doanh	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	302.211.058.989	183.473.366.685
	338.738.192.421	279.656.571.598
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	692.319.713.911	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	237.346.658.251	163.036.650.827
Chi phí phải trả	2.200.449.316	2.712.675.289
	931.866.821.478	794.755.673.024

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá cổ phiếu, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản chứng khoán kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Trong tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá là 10.705 đồng/cổ phần. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/(tăng) 13.846.394.278 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.580.126.938 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 8. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN**

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.527.133.432	-	-	36.527.133.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.206.058.989	85.005.000.000	-	302.211.058.989
	253.733.192.421	85.005.000.000	-	338.738.192.421
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	666.319.713.911	26.000.000.000	-	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	194.444.298.251	4.902.360.000	38.000.000.000	237.346.658.251
Chi phí phải trả	2.200.449.316	-	-	2.200.449.316
	862.964.461.478	30.902.360.000	38.000.000.000	931.866.821.478
Chênh lệch thanh khoản thuần	(609.231.269.057)	54.102.640.000	(38.000.000.000)	(593.128.629.057)
31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.183.204.913	-	-	56.183.204.913
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.468.366.685	90.005.000.000	-	183.473.366.685
	189.651.571.598	90.005.000.000	-	279.656.571.598
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	596.006.346.908	28.000.000.000	5.000.000.000	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	120.146.900.827	4.889.750.000	38.000.000.000	163.036.650.827
Chi phí phải trả	2.712.675.289	-	-	2.712.675.289
	718.865.923.024	32.889.750.000	43.000.000.000	794.755.673.024
Chênh lệch thanh khoản thuần	(529.214.351.426)	57.115.250.000	(43.000.000.000)	(515.099.101.426)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn
TNHH một thành viên

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Tháng 11/2015 Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên đã bán hết 1.654.400 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty (tương đương 20,68%).

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	-	18.397.705.923

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao	11.129.000.000	7.240.501.000
Phụ cấp	436.835.800	620.409.600

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.113.208.742 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.103.243.152 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.103.243.152 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định không bao gồm 43.348.081.600 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư không bao gồm 58.665.000.000 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng), là số tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư trong năm nhưng chưa được nhận tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Thu nhập lãi tiền gửi không bao gồm 12.433.797 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 19.735.555 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ tiền gửi trong năm đã bao gồm 19.735.555 đồng là số tiền lãi của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

